

BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG GIÁO DỤC Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

MẠC THỊ CẨM TÚ*

TÓM TẮT

Bình đẳng giới (BDG) trong các lĩnh vực nói chung và trong giáo dục nói riêng là vấn đề mà xã hội hiện nay rất quan tâm. BDG không những tạo sự công bằng trong xã hội mà còn tác động tích cực đến sự phát triển của xã hội. Vì vậy, BDG trong giáo dục là vấn đề quan trọng đối với mỗi quốc gia. Bài viết trình bày thực trạng và giải pháp về BDG trong giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh (TPHCM) - vấn đề đang được quan tâm hiện nay.

Từ khóa: bình đẳng giới, giáo dục, thực trạng, giải pháp, công bằng.

ABSTRACT

Gender equality in education in Ho Chi Minh City - Reality and solutions

Gender equality in different fields in general and in education to be specific has been of great concern to the society. Gender equality not only creates fairness but also gives a boost to the development of the society. Therefore, gender equality in education is an essential issue for each country. The article presents the reality and solutions to gender equality in education in Ho Chi Minh city, which is a concerned issue recently.

Keywords: gender equality, education, situations, solution, fairness.

1. Đặt vấn đề

Sinh thời Bác Hồ đã khẳng định: “Công dân đều bình đẳng trước pháp luật. Đàn bà có quyền bình đẳng với đàn ông về các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và gia đình” [6]. Trong lĩnh vực giáo dục, vấn đề BDG càng có ý nghĩa sâu sắc. BDG trong giáo dục làm tăng chất lượng nguồn nhân lực trung bình của xã hội. Nếu chúng ta giả định rằng, trẻ em trai và gái có khả năng thiên bẩm như nhau và những đứa trẻ có khả năng hơn sẽ được học tập và đào tạo nhiều hơn, thì việc thiên vị trẻ em nghĩa là những trẻ em trai có tiềm năng thấp hơn trẻ em gái lại được học hành nhiều hơn, như thế, chất lượng nguồn nhân lực trong nền kinh tế

sẽ thấp hơn mức có thể đạt được và kìm hãm tiềm năng tăng trưởng kinh tế. BDG trong giáo dục có ảnh hưởng tích cực đến chất lượng nguồn nhân lực trong tương lai.

Có thể nói rằng BDG trong giáo dục có tầm quan trọng to lớn đối với sự phát triển của đất nước. Vì vậy, một nhà giáo dục học đã viết: Giáo dục một người đàn ông ta được một gia đình, giáo dục một người phụ nữ ta được cả một thế hệ [12]. Chính vì lẽ đó, một người phụ nữ được giáo dục tốt sẽ biết làm thế nào dạy dỗ con cái, đầu tư nhiều hơn cho giáo dục đối với con cái. Ngoài ra, trình độ của người mẹ cao hơn, đóng vai trò quyết định trong việc chăm sóc và nuôi dưỡng đối với con cái. Về lâu dài, các tác động này sẽ làm cho chất lượng nguồn nhân

* ThS, Trường THPT Bình Phú, Quận 6, TPHCM

lực được cải thiện và năng suất lao động trung bình của toàn xã hội sẽ được nâng lên. Cho nên có thể thấy, vấn đề tìm hiểu thực trạng BDG ở TPHCM và đưa các giải pháp đề hướng đến một nền giáo dục có sự bình đẳng giữa nam và nữ nhằm giúp cho thành phố ngày một phát triển nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong tương lai.

2. Thực trạng và giải pháp BDG trong giáo dục ở TPHCM

2.1. Thực trạng

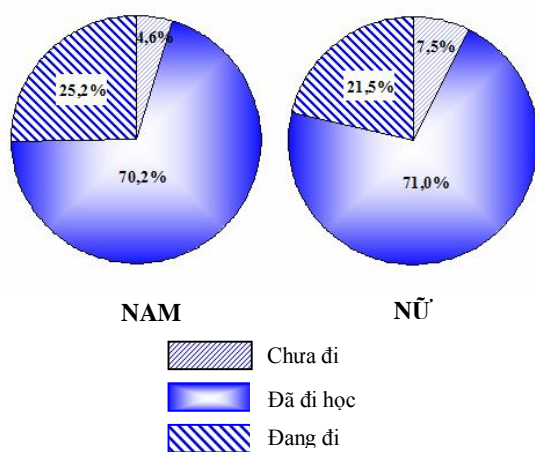
2.1.1. Tỷ lệ nam và nữ được tuyển vào các trường

a. Chia theo tình trạng đi học và giới

tính, năm 1999 (xem biểu đồ 1)

Trong ngành giáo dục nói chung và giáo dục TPHCM nói riêng, việc cho trẻ từ 5 tuổi đến trường (bậc mầm non) là điều hết sức cần thiết và nhiệm vụ phải làm. Trong đó, không phân biệt giới tính, dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng... mọi công dân đều có quyền đi học. Trong những năm qua, TPHCM đã huy động độ tuổi này đến trường rất tốt. Bên cạnh xây dựng cơ sở vật chất khang trang ở các quận, huyện, thành phố còn trang bị các thiết bị cần thiết phục vụ cho giảng dạy. Đồng thời đào tạo, bồi dưỡng, tuyển dụng giáo viên các cấp học khá đầy đủ.

Biểu đồ 1. Cơ cấu dân số từ 5 tuổi trở lên chia theo tình trạng đi học và giới tính năm 1999

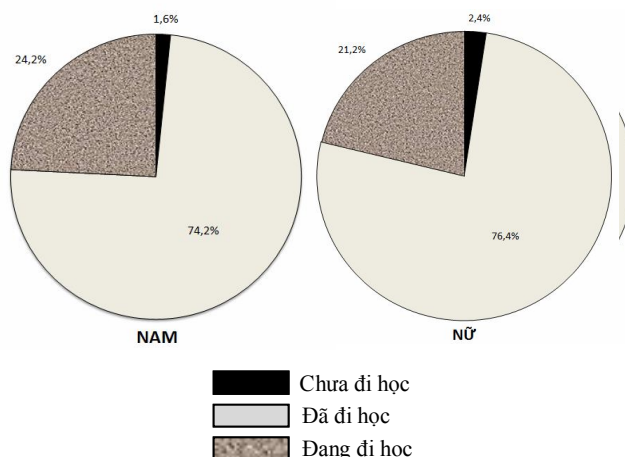


Biểu đồ 1 cho thấy, cơ cấu dân số từ 5 tuổi trở lên chia theo tình trạng đi học và giới tính năm 1999 thì tỷ lệ chưa đi học của nam thấp hơn nữ là 2,9%. Tỷ lệ đã đi học của nữ cao hơn nam 0,8% và tỷ lệ đang đi học của nam cao hơn nữ 3,7%. Tỷ lệ nam đang đi học vẫn trội hơn so với nữ, đó là do tâm lý chung của người Việt Nam, vì bố mẹ cho rằng: con

gái không cần học nhiều, lớn lên đi lấy chồng, sinh con, ở nhà làm nội trợ. Con trai mới cần học nhiều, là trụ cột gia đình, phải đi làm kiếm tiền, phụng dưỡng cha mẹ; từ đó dẫn đến tình trạng tỷ lệ đang đi học của nam cao hơn nữ.

b. Chia theo tình trạng đi học và giới tính, năm 2009 (xem biểu đồ 2)

Biểu đồ 2. Cơ cấu dân số từ 5 tuổi trở lên chia theo tình trạng đi học và giới tính năm 2009



Biểu đồ 2 cho thấy, năm 2009, sau mười năm, cơ cấu dân số từ 5 tuổi trở lên chia theo tình trạng đi học và giới tính đã có nhiều thay đổi. Tỷ lệ chưa đi học của nam thấp hơn tỷ lệ nữ là 0,8%. Tỷ lệ đã đi học của nữ cao hơn nam 2,2% và tỷ lệ đang đi học của nam cao hơn tỷ lệ nữ 3,0%. Như vậy tỷ lệ chưa đi học của nam và nữ từ năm 1999-2009 đều giảm, trong đó tỷ lệ nữ giảm mạnh hơn nam. Tỷ lệ đã đi học của cả hai giới đều tăng, trong đó tỷ lệ nữ tăng mạnh hơn. Tỷ lệ đang đi học của nam giảm (1,0%), giảm nhiều hơn so

với nữ (0,3%). Điều này cho thấy đã có bước tiến trong BĐG trong lĩnh vực giáo dục giữa nam và nữ. Tình trạng huy động học sinh ra lớp có sự công bằng giữa nam và nữ. Hiện nay, TPHCM đẩy mạnh công tác đầu tư cho giáo dục các cấp học, đặc biệt huy động trẻ đến tuổi đi học phải ra lớp. Từ đó, mà công tác đào tạo được nâng lên cả về chất lượng lẫn nhóm tuổi đi học và có sự đồng đều giữa các giới với nhau.

c. Chia theo bậc học cao nhất và giới tính, năm 2009 (xem bảng 1)

Bảng 1. Dân số từ 5 tuổi trở lên đang đi học chia theo bậc học cao nhất và giới tính năm 2009

Đơn vị: Người

Cấp học	Thành thị			Nông thôn		
	Tổng số	Nam	Nữ	Tổng số	Nam	Nữ
Mầm non	80.469	41.736	38.733	19.438	10.104	9334
Tiểu học	343.350	178.550	164.800	78.415	41.065	37.350
THCS	261.027	134.902	126.125	55.034	28.408	27.526
Sơ cấp nghề	1727	1001	726	235	136	99
THPT	181.770	90.848	90.922	31.281	14.674	16.607
Trung cấp nghề	18.055	10.302	7753	2501	1381	1120
Trung cấp CN	35.356	14.342	21.014	3588	1253	2335
Cao đẳng nghề	11.314	7043	4271	1229	738	491
Cao đẳng	79.552	36.383	43.169	4961	2213	2748
Đại học	239.641	120.423	119.218	12.588	6047	6541
Thạc sĩ	7262	3858	3404	289	148	141
Tiến sĩ	886	611	275	22	17	5
Không xác định	1139	555	584	323	161	162

Nguồn: [1]

Theo số liệu tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009, các cấp học trên địa bàn thành phố không có sự chênh lệch lớn. Số lượng nam và nữ tương đối ngang bằng nhau, tuy nhiên còn một số cấp có sự chênh lệch. Sự chênh lệch đó chủ yếu tập trung ở khu vực thành thị, số người đang học cao đẳng của nữ giới chiếm tỉ trọng 54,3% trong tổng số người học, số lượng nam học cao đẳng ít hơn [1]. Số lượng nam theo học trình độ thạc sĩ, tiến sĩ cao hơn so với nữ. Bảng 1 cho thấy, năm 2009, nam học thạc sĩ là 3858 người trong khi nữ là 3404 người; nam học tiến sĩ 611 người trong khi nữ chỉ có 275 người. Ở khu vực thành thị, bậc học càng

cao thì số lượng nam lại chiếm áp đảo so với số lượng nữ. Nguyên nhân chủ yếu là do đa phần phụ nữ thành thị phải đảm đương trách nhiệm kép (chăm lo cho gia đình và kiếm tiền). Phụ nữ cũng chịu trách nhiệm chính trong việc chăm sóc con cái, người ốm, người già và người tàn tật trong gia đình, thay thế cho những dịch vụ mà cộng đồng và xã hội cung cấp. So với nam giới, phụ nữ dường như có ít cơ hội hơn và phải đương đầu với nhiều khó khăn hơn. Đây là thực trạng chung của rất nhiều tỉnh thành chứ không riêng gì TPHCM.

2.1.2. Tỉ lệ biết đọc, biết viết

Bảng 2. Tỉ lệ biết đọc biết viết của hai giới

Đơn vị: %

Năm	1999		2009	
	Nam	Nữ	Nam	Nữ
Toàn thành	96,3	92,6	97,6	97,1
Thành thị	96,6	93,1	97,9	97,7
Nông thôn	94,9	89,9	96,4	95,6

Bảng 2 cho thấy về tỉ lệ biết đọc biết viết, mặc dù vẫn còn thấp hơn nam giới, song trong mười năm qua, nữ giới đã có bước tiến gần gấp đôi, tăng hơn 3% trong khi nam giới chỉ tăng hơn 1%. Điều này chứng tỏ có sự tiến bộ rõ rệt trong BDG về vấn đề biết đọc biết viết. Tỉ lệ biết đọc biết viết của nữ ở nông thôn tiến nhanh hơn nữ ở thành thị: 5,7% so với 4,6%. Điều này chứng tỏ công tác phổ cập giáo dục ở nông thôn (đối với nữ giới) đã đạt thành quả đáng mừng.

Chỉ số giáo dục là chỉ số tổng hợp từ tỉ lệ biết đọc biết viết trong người lớn và tỉ lệ huy động vào 3 cấp học, chỉ số giáo dục đã phản ánh một cách rõ rệt bước tiến dài

của phụ nữ cả ở khu vực thành thị và nông thôn. Chỉ số giáo dục của phụ nữ thành thị tăng từ 0,855 lên 0,897, trong khi chỉ số giáo dục của nam giới tiến chậm hơn, chỉ thêm được $0,907 - 0,871 = 0,036$. Mức thua kém nam giới về chỉ số giáo dục của nữ đã giảm từ 0,016 còn 0,010 [9]. Với chiều hướng này, có thể tin rằng trong tương lai, nữ giới có thể vươn lên ngang bằng với nam giới.

Giáo dục là một trong những lĩnh vực được thành phố quan tâm đầu tư trong các năm qua, ngân sách của thành phố chi cho giáo dục trong mười năm qua tăng rất mạnh. Điều này thể hiện rõ qua các số liệu ở bảng 3 sau đây:

Bảng 3. Một số chỉ tiêu về giáo dục phổ thông của TPHCM

Năm	1999	2004	2009	2010	Tốc độ tăng trưởng (%)
Số học sinh phổ thông (học sinh)	847.190	881.996	969.121	999.509	118,0
Số giáo viên (người)	29.614	33.887	40.219	42.035	141,9
Số lớp học (lớp)	20.637	21.860	24.372	25.577	123,9
Số trường học (trường)	728	794	862	881	121,0

Nguồn: [2]

Ngân sách thành phố đã đầu tư xây dựng mới cũng như nâng cấp sửa chữa nhiều trường học. Bảng 3 cho thấy số trường học phổ thông năm 1999 là 728 trường, đến năm 2010 là 881 trường, tăng 153 trường. Số lớp học năm 2010 là 25.577 lớp, tăng 4940 lớp so với năm 1999. Số giáo viên phổ thông năm 2010 là 42.035 người, tăng 41,9% so với năm 1999. Số học sinh phổ thông năm 2010 là 999.509 học sinh, tăng 18% so với năm 1999. Qua đó, ta thấy cơ sở vật chất, điều

kiện học tập của học sinh thành phố qua 10 năm qua đã được cải thiện rõ nét, thành phố đã xóa được các lớp học ca ba, giảm số học sinh trong một lớp học xuống dưới 45 học sinh. Tốc độ tăng kinh phí đầu tư cho giáo dục là nhanh hơn tốc độ tăng về số lượng học sinh phổ thông.

Như vậy, sau khi phân tích các bảng số liệu nêu trên, ta thấy BDG trong lĩnh vực giáo dục đạt nhiều tiến bộ từ chỉ số giáo dục, đến tỉ lệ biết đọc biết viết của nữ, nữ nông thôn tiến nhanh hơn nữ

thành thị. Công tác phổ cập giáo dục ở nông thôn đối với nữ giới đã đạt thành quả đáng mừng. Điều này chứng tỏ giữa BĐG ở nông thôn và tình trạng phát triển giáo dục có mối tương quan tỉ lệ thuận, phát triển giáo dục tốt sẽ kéo theo bảo đảm tốt hơn BĐG trên phương diện biết đọc biết viết, và ngược lại.

Tỉ lệ nam và nữ được tuyển vào mầm non, tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông có bước phát triển vượt bậc. Toàn thành phố tỉ lệ nam tăng 16%, tỉ lệ nữ tăng 13,9% [10]. Tỉ lệ huy động giữa thành thị và nông thôn chênh lệch không nhiều. Trong đó, tỉ lệ huy động của nữ cao hơn nam vào năm 2009. Có thể nói, BĐG trong lĩnh vực giáo dục ở TPHCM đã có những thay đổi rất cơ bản và vững chắc nhưng chỉ mới ở các bậc học của trường phổ thông. Trong khi đó thì mục tiêu phát triển thiên niên kỉ yêu cầu đến năm 2015, phấn đấu xóa bỏ BĐG ở cả bậc đại học.

2.2. Giải pháp

Từ thực trạng nêu trên, chúng tôi đề xuất các giải pháp nâng cao BĐG trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo như sau:

- Nam, nữ bình đẳng về độ tuổi đi học, đào tạo, bồi dưỡng.
- Nam, nữ bình đẳng trong việc lựa chọn ngành, nghề học tập, đào tạo.
- Nam, nữ bình đẳng trong việc tiếp cận và hưởng thụ các chính sách về giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ.
- Nữ cán bộ, công chức, viên chức khi tham gia đào tạo, bồi dưỡng mang theo con dưới ba mươi sáu tháng tuổi được hỗ trợ theo quy định của Chính phủ.

- Biện pháp thúc đẩy BĐG trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo bao gồm:

- + Quy định tỉ lệ nam, nữ tham gia học tập, đào tạo;
- + Lao động nữ khu vực nông thôn được hỗ trợ dạy nghề theo quy định của pháp luật. [11]

Trên cơ sở đó, thành phố lựa chọn các giải pháp phù hợp với địa phương để thực hiện BĐG trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo. Trên thực tiễn, địa bàn TPHCM có nhiều khu công nghiệp, khu chế xuất, thu hút lao động nữ không chỉ của thành phố mà còn ở các tỉnh trên cả nước. Chính vì vậy, cần có sự BĐG trong đào tạo chuyên môn, nâng cao tay nghề cho lao động nữ, đó là mục tiêu lâu dài và mang tính chiến lược. Do đó, theo chúng tôi, cần có các giải pháp sau:

- + Giải quyết tình trạng bỏ học trước 11 tuổi, hạn chế tối đa tình trạng bỏ học trước 15 tuổi.
- + Đầu tư mạnh hơn nữa cho giáo dục ở huyện Cần Giò và Nhà Bè, đầu tư nhân lực và tài lực để hai huyện này có thể bắt kịp bước phát triển chung của thành phố.
- + Đưa tỉ lệ huy động đúng độ tuổi vào bậc trung học cơ sở trên 90%, bậc trung học phổ thông trên 80%.
- + Khuyến khích lao động nữ nâng cao trình độ học vấn, năng lực chuyên môn và đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ, tay nghề cho giới nữ nhằm nâng cao nguồn nhân lực nữ và lãnh đạo nữ, đáp ứng yêu cầu của hội nhập và phát triển kinh tế đất nước.
- + Đảm bảo cho lao động nữ tham gia các khóa bồi dưỡng về chính trị, hành

chính, tin học, ngoại ngữ, đào tạo công chức thi tuyển và thi nâng ngạch công chức.

3. Kết luận

BĐG trong giáo dục ở TPHCM là một nhiệm vụ cần thiết trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội lâu dài. Trong giáo dục cần đầu tư cho từng cấp học, bậc học về đội ngũ giáo viên cũng như cơ sở vật chất phục vụ cho công tác đào tạo. Đặc biệt trong lĩnh vực giáo dục BĐG giữa nam và nữ được thể hiện ở trình độ biết đọc, biết viết của nam và nữ; tỉ lệ nam và nữ được tuyển vào các trường ngang bằng nhau là mục tiêu chung của toàn xã hội. Điều này góp phần thực hiện mục tiêu công bằng xã hội cho mọi người dân thành phố, đồng thời giúp cho việc

thực hiện BĐG trong nhiều lĩnh vực khác thành công. TPHCM là đô thị lớn, địa bàn cư trú của nhiều người dân nhập cư từ các vùng khác đến, gắn liền các ngành nghề công nghiệp và dịch vụ phát triển mạnh, nên đòi hỏi sự BĐG rất cao. Do đó, trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cũng cần có sự cân nhắc sự công bằng giữa nam và nữ. Ngoài ra, nguồn lao động chưa qua đào tạo, lao động nhập cư vào thành phố cho thấy sự BĐG còn nhiều việc phải làm sắp tới. Hướng đến một xã hội phồn vinh, cân bằng về mặt xã hội thì sự BĐG trong giáo dục là nhịp cầu nối vững chắc cho mọi người trong các hoạt động xã hội tiếp theo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cục Thống kê Thành phố Hồ Chí Minh (1999-2009), *Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 1999, 2009*.
2. Cục Thống kê Thành phố Hồ Chí Minh (2010), *Niên giám thống kê 2010*.
3. Tổng Văn Đường (2001), *Giáo trình dân số và phát triển*, Dự án VIE 97/P13.
4. Đào Hữu Hồ (2010), *Giáo trình thống kê xã hội học*, Nxb Giáo dục Việt Nam.
5. Hoàng Thanh Lê (2011), *Bất bình đẳng trong giáo dục*, Luận văn Thạc sĩ Xã hội học.
6. Quốc hội (2006), *Luật Bình đẳng giới*, Nxb Chính trị Quốc gia.
7. Lê Thị Quý (2009), *Giáo trình xã hội học giới*, Nxb Giáo dục Việt Nam.
8. Phạm Thị Xuân Thọ (2008), *Địa lí đô thị*, Nxb Giáo dục Việt Nam.
9. Mạc Thị Cẩm Tú (2012), *Bình đẳng giới ở Thành phố Hồ Chí Minh*, Luận văn Thạc sĩ Địa lí.
10. Phạm Thị Tuyết (2011), *Bình đẳng giới trong giáo dục ở Trà Vinh*, Luận văn Thạc sĩ Địa lí.
11. Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (2011), *Chương trình thực hiện Chiến lược Quốc gia về bình đẳng giới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2011 – 2020*
12. <http://www.phunu.hochiminhcity.gov.vn>
13. <http://www.hids.hochiminhcity.gov.vn>

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 27-6-2013; ngày phản biện đánh giá: 21-7-2013;
ngày chấp nhận đăng: 22-7-2013)